

Số: 1184 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 304/TTr-STNM ngày 10/6/2020 và Báo cáo số 405/BC-STNMT ngày 10/6/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh và phụ lục Danh mục các đề tài, dự án, nhiệm vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

~~Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.~~

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Đối với Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu và định hướng Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính Phủ; Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

1.2. Đối với kế hoạch 5 năm đến năm 2025

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, cần ưu tiên thực hiện trong giai đoạn đến năm 2025 nhằm triển khai các chủ trương lớn, khâu đột phá giải pháp chủ yếu về phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh đã được đề ra trong Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy.

- Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp triển khai các nhiệm vụ, bảo đảm sự phù hợp với năng lực và khả năng huy động các nguồn lực của nền kinh tế, bao gồm ngân sách nhà nước, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển.

- Thực hiện tốt kế hoạch 5 năm đến năm 2025 là điều kiện căn bản và quan trọng để thực hiện thành công Kế hoạch tổng thể đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

- Quán triệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy;

tập trung thực hiện ngay các giải pháp, nhiệm vụ theo chức năng thẩm quyền, phù hợp với điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương.

- Tạo sự thống nhất trong tư duy và hành động của các cấp, các ngành, xác định đây là nhiệm vụ của chính trị trọng tâm, thường xuyên trong quá trình tổ chức chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của từng ngành và địa phương, góp phần huy động và phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển bền vững kinh tế biển.

- Thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong một số ngành kinh tế biển, tạo lập được hình ảnh, thương hiệu biển Phú Yên; tạo được sự bứt phá về phát triển bền vững kinh tế biển; đảm bảo tính khả thi, hiệu quả về huy động và sử dụng nguồn lực, phù hợp với bối cảnh và định hướng phát triển của tỉnh.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu

Đưa Phú Yên trở thành tỉnh phát triển mạnh về kinh tế biển trong khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ trên cơ sở phát triển bền vững các ngành kinh tế biển, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển, góp phần thực hiện hoàn thành các nội dung của Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- *Về kinh tế biển*: Các ngành kinh tế thuần biển đóng góp từ khoảng 8 - 10% GRDP của tỉnh; kinh tế của 04 địa phương ven biển đóng góp trên 70% GRDP cả tỉnh. Các ngành kinh tế biển phát triển bền vững, từng bước đạt đến các chuẩn mực quốc tế; kiểm soát khai thác tài nguyên trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

- *Về xã hội*: Chỉ số phát triển con người (HDI) của các địa phương ven biển cao hơn mức trung bình của cả tỉnh; thu nhập bình quân đầu người của các địa phương ven biển gấp từ khoảng 1,5 lần so với thu nhập bình quân của cả tỉnh; nâng cấp, phát triển, hoàn thành chuỗi đô thị ven biển từ Sông Cầu đến Đông Hòa.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH.

1. Về công tác quản lý tổng hợp vùng bờ

- Trên cơ sở những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về biển; những quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế biển quốc gia, tiến hành rà soát đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và lập mới các quy hoạch liên quan đến

biển, đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

- Tiếp tục kiện toàn, đổi mới tổ chức và vận hành hiệu quả cơ quan quản lý tổng hợp, thống nhất về biển theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý, giữa Nhà nước và cộng đồng dân cư, giữa doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua các cơ chế, công cụ điều phối cụ thể.

- Thành lập cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển do Chủ tịch UBND tỉnh đứng đầu trong năm 2019; giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan thường trực.

- Đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền; phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, hiệu quả giữa các sở, ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể trong giáo dục, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về biển. Xây dựng thống nhất, bao quát, toàn diện và tổ chức thực hiện Chương trình truyền thông về biển, đảo giai đoạn 2020 - 2025 và 2025 - 2030.

- Tham mưu Tỉnh ủy tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy và đề ra những chủ trương phù hợp với tình hình trong giai đoạn mới.

2. Về phát triển kinh tế biển

Đến năm 2030, phát triển thành công, đột phá về các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Du lịch và dịch vụ biển; (2) Nuôi trồng và Khai thác hải sản; (3) Kinh tế hàng hải; (4) Công nghiệp ven biển; (5) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (6) Khai thác các tài nguyên, khoáng sản biển khác. Cụ thể:

a) Du lịch và dịch vụ biển

- Thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Vịnh Xuân Đài gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch cho các địa bàn trọng điểm, hoàn thiện thông suốt tuyến giao thông ven biển trên địa bàn tỉnh để kết nối, tạo thêm động lực phát triển đô thị, dịch vụ ven biển; hình thành các khu du lịch phức hợp, dự án du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao, các loại hình sinh thái, thám hiểm, du lịch cộng đồng. Trong đó, các dự án du lịch lớn tại các huyện: Đông Hòa, Tuy An; thị xã Sông Cầu, thành phố Tuy Hòa và như các Khu du lịch cao cấp Vịnh Hòa - Từ Nham, bãi Nồm, bãi Ôm, Hòn Yến, Ô Loan..., cơ bản đi vào hoạt động trước năm 2025.

- Hình thành khu bảo tồn biển tại các khu vực có hệ sinh thái biển đa dạng, đặc biệt, nhất là rạn san hô khu vực Hòn Yến và Vũng Rô.

- Từng bước phấn đấu đưa Phú Yên trở thành một trong những điểm đến quan trọng, hấp dẫn và có bản sắc riêng trong các chương trình du lịch đến khu vực miền Trung - Tây nguyên và cả nước. Đưa vịnh Xuân Đài và vùng phụ cận trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển, vui chơi giải trí của tỉnh, của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và của cả nước; là một điểm đến quan trọng trên tuyến du lịch quốc gia, hình thành mối liên kết hỗ trợ với các điểm đến khác trong vùng như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang và khu vực Tây Nguyên. Đến năm 2030, vịnh Xuân Đài cơ bản đáp ứng các tiêu chí và trở thành Khu du lịch quốc gia. Hình thành một số khu du lịch đẳng cấp quốc tế trước năm 2030.

- Xúc tiến, quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển Phú Yên trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi nghề, trực tiếp tham gia và các hoạt động kinh doanh và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Đẩy mạnh du lịch cộng đồng, phát huy vai trò các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phát triển du lịch.

b) Nuôi trồng và khai thác hải sản

Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 08/10/2017 của HĐND tỉnh về Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản và Kế hoạch tái cơ cấu ngành thủy sản đến 2025 và tầm nhìn đến 2030, tập trung vào những mục tiêu chính sau:

- Về nuôi trồng thủy sản:

+ Điều chỉnh diện tích nuôi trồng thủy sản khu vực đầm Ô Loan với mật độ tỷ lệ phù hợp (15-20%), đảm bảo mục tiêu bảo vệ môi trường, phát huy giá trị thắng cảnh, phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững và giải quyết sinh kế cho người dân trong khu vực; đầu tư trồng rừng ngập mặn toàn tỉnh khoảng 250 ha, trong đó tại đầm Ô Loan khoảng 50 ha để phục hồi hệ sinh thái môi trường.

+ Ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu: điện, kênh mương thủy lợi để chuyển đổi một số vùng nuôi, với diện tích 156 ha, trong đó tại hạ lưu sông Bàn Thạch, huyện Đông Hòa là 126 ha sang nuôi tôm công nghệ cao.

+ Bổ sung quy hoạch vùng biển hớ khoảng 1.000 ha thị xã Sông Cầu và 10 ha trên bờ để phát triển nuôi biển công nghiệp, giảm dần lồng bè nuôi tôm hùm trong vịnh Xuân Đài và đầm Cù Mông. Sau năm 2030, không tiếp tục quy hoạch các vùng nuôi tại phường Xuân Yên, Xuân Đài và Xuân Thành nhằm giảm áp lực về môi trường vịnh và ưu tiên phát triển du lịch, đô thị.

+ Các huyện, thị xã có quy hoạch nuôi trồng thủy sản, đến cuối năm 2020 hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất và cập nhật vào quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, trên cơ sở đó, tổ chức giao, cho thuê đất, mặt nước cho tổ chức, cá nhân

nuôi trồng thủy sản theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường công tác quản lý quy hoạch vùng nuôi, cơ sở nuôi; quản lý chặt chẽ chất lượng thủy sản nuôi và môi trường vùng nuôi trồng thủy sản.

+ Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các tổ chức trong và ngoài nước nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nuôi tôm hùm trong bể, trên bờ; nuôi lồng công nghiệp ở vùng biển hở; sử dụng thức ăn công nghiệp cho tôm hùm thay thế dần thức ăn tươi sống để giảm thiểu ô nhiễm môi trường vùng nuôi và góp phần tình trạng khai thác quá mức nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ.

+ Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh: tôm thẻ chân trắng, tôm hùm và sản phẩm đặc hữu, riêng có: sò huyết Ô Loan, chình bông.

- Về khai thác thủy sản:

+ Phát triển đội tàu khai thác thủy sản vùng khơi theo đúng hạn ngạch tàu cá vùng khơi được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp cho tỉnh. Tổ chức thành các tổ đội sản xuất, hợp tác xã, nghiệp đoàn nghề cá, chuỗi liên kết để gia tăng giá trị sản phẩm và phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững; gắn khai thác thủy sản với bảo vệ chủ quyền vùng biển, đảo của Tổ quốc.

+ Xây dựng, phát triển mô hình đồng quản lý nghề cá ven bờ, theo đó trao quyền cho cộng đồng quản lý vùng nước, khai thác và nuôi trồng thủy sản bền vững, tham gia bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản.

- Về dịch vụ hậu cần nghề cá:

+ Ưu tiên đầu tư nâng cấp, xây mới các công trình dịch vụ hậu cần nghề cá theo quy hoạch, đến năm 2030 đáp ứng cơ bản năng lực dịch vụ hậu cần nghề cá theo hướng hiện đại, gồm: 01 cảng cá loại I, 03 cảng cá loại II và 07 cảng cá loại III; 05 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và một số cơ sở đóng mới, cải hoán, sửa chữa tàu cá từ loại III đến loại I, bao gồm: tàu vỏ gỗ, vỏ vật liệu mới và vỏ thép, chiều dài trên 15m.

+ Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá, đến năm 2030 toàn bộ tàu cá từ 12 m trở lên đều gắn thiết bị giám sát hành trình kết nối vệ tinh, khoảng 70% tàu cá dài trên 15m khai thác thủy sản vùng khơi có áp dụng công nghệ dò cá, đánh bắt và bảo quản thủy sản trên tàu hiện đại, cơ giới hóa việc thu thả lưới.

- Về chế biến, xuất khẩu thủy sản:

+ Đến năm 2030, nâng công suất nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu trên 23.500 tấn thành phẩm/năm.

+ Đầu tư công nghệ chế biến sản phẩm giá trị gia tăng, đa dạng mặt hàng, thị trường chính ngạch, đảm bảo đến năm 2030 sản phẩm thủy sản xuất khẩu đạt giá trị kim ngạch 140 triệu USD/năm.

c) Kinh tế hàng hải

- Huy động các nguồn lực tiếp tục đầu tư xây dựng và khai thác hiệu quả cảng biển Vũng Rô, phấn đấu đến năm 2022 hàng thông qua cảng đạt 01 triệu tấn/năm, đến năm 2030 đạt 2 – 2,5 triệu tấn/năm. Thu hút nhà đầu tư xây dựng cảng Bãi Góc (có bến tổng hợp và bến chuyên dung) phục vụ cho tàu dầu, tàu container và hàng hóa, có khả năng tiếp nhận tàu đến 300.000 DWT; lượng hàng hóa thông qua cảng đến năm 2030 dự kiến khoảng 14,5 – 16 triệu tấn/năm.

- Phát triển dịch vụ vận tải đồng bộ với hệ thống cảng biển, tập trung khai thác hiệu quả các tuyến vận tải biển nội địa nhằm giảm tải cho đường bộ, góp phần giảm chi phí, nâng cao sản lượng vận tải. Phát huy tối đa lợi thế về vị trí của cảng Vũng Rô và Bãi Góc; tăng cường hợp tác với cơ quan quản lý cảng biển, hãng tàu biển để thu hút nguồn hàng thông qua cảng; chuyển đổi công năng cảng Vũng Rô khi có nhu cầu.

- Hoàn thiện Quy hoạch chi tiết giao thông đường thủy nội địa kết nối liên hoàn các vùng, miền, địa phương trong nước và nước ngoài. Xây dựng hoàn thiện hạ tầng logistics và các tuyến giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các vùng, miền, địa phương trong nước và quốc tế. Thu hút, khuyến khích đầu tư, từng bước hình thành và phát triển đội tàu vận tải biển theo hướng hiện đại với chất lượng ngày càng cao, chi phí hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng, tăng sức cạnh tranh để chủ động hội nhập trong khu vực và thế giới, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thị trường vận tải nội địa, tham gia sâu vào các chuỗi cung ứng vận tải gắn liền với các dịch vụ hỗ trợ, từng bước gia tăng, chiếm lĩnh thị phần quốc tế.

- Hình thành các tuyến vận tải hành khách du lịch trên biển để phục vụ du lịch từ bờ ra các đảo, các điểm du lịch dọc bờ biển tỉnh Phú Yên nhằm khai thác tiềm năng và thế mạnh của du lịch biển đảo Phú Yên. Tạo các chính sách, cơ chế phù hợp để phát triển vận tải biển nhằm phát huy lợi thế của Tỉnh.

d) Công nghiệp ven biển

- Ưu tiên vốn Nhà nước đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế biển, hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp ven biển, khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh đầu tư sản xuất kinh doanh tại các địa bàn ven biển phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp chế biến sâu, thân thiện với môi trường, công nghiệp chế biến từ các sản phẩm nuôi trồng, khai thác hải sản, các ngành công nghiệp phục vụ cho các ngành kinh tế thuần biển. Trước mắt, tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp được xem là mũi nhọn của Tỉnh như: chế biến thủy sản; hóa dầu; năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công nghiệp phần mềm, nội dung số; sản xuất thiết bị điện tử, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin đóng tàu...

- Xây dựng cơ sở sơ chế, bảo quản, tiêu thụ các sản phẩm từ biển; liên kết với các địa phương không có biển trong chế biến, tiêu thụ sản phẩm từ biển.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp theo các hình thức nhóm, chuỗi sản phẩm, từng bước hình thành một số tổ hợp công nghiệp quy mô vừa và lớn. Tăng cường thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản; các dự án nhà ở xã hội.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành công nghiệp, các khu công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường và gia tăng phát thải nhà kính. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải, nhất là từ các khu công nghiệp ven biển, không được xả thải nước và rác thải công nghiệp chưa qua xử lý tại các khu công nghiệp, công trình công nghiệp ven biển trực tiếp ra môi trường, tại các vị trí xả thải phải lắp đặt thiết bị quan trắc tự động.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp đã được quy hoạch trong Khu kinh tế Nam Phú Yên, có lộ trình di dời Khu công nghiệp An Phú, Đông Bắc sông Cầu đến vị trí mới để dành quỹ đất phát triển đô thị và du lịch.

e) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo để cung cấp cho hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội, qua đó giảm áp lực lên các nguồn năng lượng không tái tạo (năng lượng hóa thạch) và ngành thủy điện, qua đó góp phần bảo vệ môi trường. Thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi để các dự án khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác theo quy hoạch được duyệt sớm đi vào hoạt động.

- Nghiên cứu, phát triển một số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học như dược lược biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển.

f) Khai thác tài nguyên, khoáng sản biển khác

- Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu của các Bộ, Ngành trung ương, các cơ quan nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, tiến hành rà soát, đánh giá tiềm năng, trữ lượng các dạng tài nguyên, khoáng sản biển, khoáng sản biển sâu. Trước mắt, cần đánh giá tiềm năng khai thác nước biển sâu phục vụ cho nhu cầu về y tế, chữa bệnh, dược phẩm, đồ uống cao cấp, sản xuất muối tinh khiết, nước chung cất để ướp giữ thực phẩm...

- Kết hợp hài hòa giữa khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển.

g) Phát triển đồng bộ các khu công nghiệp, khu đô thị sinh thái ven biển

- Tăng cường kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư có năng lực xây dựng, phát triển khu kinh tế Nam Phú Yên gắn với hình thành, nâng cấp các đô thị ven biển. - Các đô thị ven biển phải đóng vai trò chủ đạo trong phát triển và gắn kết giữa các địa phương. Trong đó, phát huy vị thế của thành phố Tuy Hòa là Trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh, thị xã Đông Hòa là đô thị công nghiệp với mũi nhọn là Khu kinh tế Nam Phú Yên, thị xã Sông Cầu và huyện Tuy An là đô thị du lịch kết hợp với phát triển công nghiệp nhẹ.

- Đổi mới tư duy trong xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống đô thị ven biển có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, phát triển bền vững theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh. Đẩy mạnh xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển theo hướng tiếp cận mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực chất lượng cao; giải quyết tốt các vấn đề môi trường, xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

3. Về xã hội

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương thống kê, đánh giá chỉ số phát triển con người HDI tại các địa phương ven biển, qua đó so sánh chỉ số này với các địa phương khác trong tỉnh.

- Quan tâm xây dựng, hoàn thiện và phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư ven biển, bao gồm: Cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế và nguồn kinh phí hoạt động. Tiếp tục duy trì, phát triển các trung tâm văn hóa biển đặc trưng; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên tại các địa phương ven biển. Nghiên cứu, tính toán đề xuất lập hồ sơ công viên địa chất Gành Đá Đĩa – Tuy An và vùng phụ cận.

- Phổ biến nền tảng kiến thức khoa học về các hệ sinh thái biển; thường xuyên thực hiện các chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của biển và đại dương trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh.

- Duy trì, phục hồi và phát triển các lễ hội, di tích, văn hóa; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên. Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, quản lý hiệu quả, linh hoạt hành lang bảo vệ bờ biển, đảm bảo quyền tiếp cận biển của người dân, kết hợp hài hòa giữa bảo vệ và phát triển.

- Xây dựng các giải thưởng về biển và đại dương nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, các tổ chức quốc tế tham gia các hoạt động về biển và hải đảo.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ lập hồ sơ tài nguyên hải đảo trên địa bàn tỉnh qua đó rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng kinh tế - xã hội tại các đảo có người dân sinh sống, bổ sung và xây dựng đầy đủ hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là điện, nước ngọt, thông tin liên lạc... trên các đảo có người dân sinh sống còn thiếu hoặc chưa có.

- Nâng cao điều kiện làm việc và nhận thức về an toàn, an ninh hàng hải cho người dân đi biển và ngư dân.

- Rà soát, đánh giá việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tại các huyện, thị xã, thành phố ven biển.

4. Về khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển

- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo nghề, tạo nên một bước đột biến cả về quy mô và chất lượng đào tạo, công tác đào tạo nghề sẽ gắn với nhu cầu thị trường và đi trước, đón đầu các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Chú trọng đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật có chất lượng, có trình độ tay nghề cao để cung ứng cho các khu công nghiệp và cụm công nghiệp ven biển và có tính đến nhu cầu xuất khẩu lao động. Nâng cấp Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thị xã Sông Cầu và Đông Hòa lên thành Trường Trung cấp nghề.

- Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác trong và ngoài nước; nhanh chóng nâng cao tiềm lực khoa học – công nghệ cho nghiên cứu và khai thác tài nguyên biển, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

- Xây dựng khoa học – công nghệ biển đủ sức tạo ra những khâu đột phá trong phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển.

- Hợp tác, phối hợp với các cơ quan trong và ngoài tỉnh thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên các lĩnh vực có tính đột phá về biển và kinh tế biển.

- Huy động các nguồn lực xã hội, trong đó ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, tiếp nhận công nghệ mới để phát triển kinh tế biển.

- Hình thành, phát triển đội ngũ cán bộ trong tỉnh có trình độ chuyên môn về biển; tạo cơ chế thuận lợi nhằm thu hút các chuyên gia giỏi về nghiên cứu khoa học ứng dụng phục vụ quá trình phát triển bền vững kinh tế biển của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, dự án nhiệm vụ có tính cấp bách, quan trọng và thời sự phục vụ quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh, tích hợp và số hóa cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo sẵn có vào hệ thống cơ sở dữ liệu, điều tra, bổ sung những số liệu chưa có.

- Triển khai xây dựng đề án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước Hòn Yến, đề án trồng rừng ngập mặn đầm Ô Loan nhằm phục hồi và phát triển các hệ sinh thái rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển.

5. Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Rà soát, chủ động hoặc phối hợp với các bộ, ngành Trung ương thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển.

- Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường.

- Triển khai thực hiện quy hoạch các khu kinh tế, công nghiệp và khu đô thị ven biển đã được phê duyệt đảm bảo theo hướng bền vững, dựa vào sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Tạo cơ chế, điều kiện thuận lợi thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong vấn đề xử lý rác thải.

- Thực hiện các đề án, dự án phục hồi các hệ sinh thái san hô, cỏ biển, rong biển, rừng ngập mặn.

- Tăng cường hợp tác, kêu gọi sự hỗ trợ của quốc tế và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về xử lý môi trường các đầm vịnh ven biển và đánh giá sức tải môi trường biển.

- rà soát, nâng cấp hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường biển. Qua đó giải quyết những chông chéo, bất cập về chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong vấn đề quan trắc, giám sát môi trường.

- Thực hiện đầu tư, nâng cấp hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn, sự cố tràn dầu, sự cố môi trường trên biển.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đồng bộ cho hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ đã được đề ra theo Kế hoạch hành động về quản lý chất thải nhựa và rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Tăng cường năng lực cộng đồng trong bảo tồn quần thể rạn san hô Hòn Yến, huyện Tuy An.

6. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cùng với cả nước giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ở cả đất liền, vùng trời, vùng biển, thềm lục địa và hải đảo của Tổ quốc, bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, theo hướng hiện đại, đặc biệt các lực lượng thực thi pháp luật trên biển; không ngừng xây dựng, củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, thế trận Quốc phòng toàn dân gắn với thế trận An ninh nhân dân và thế trận Biên phòng toàn dân trên biển. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng các vấn đề liên quan biển, đảo để chống phá, làm mất an ninh, trật tự trên biển. Tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững biển và đại dương. Tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác biển, trong đó chú trọng các lĩnh vực khoa học, công nghệ, tri thức và đào tạo nguồn nhân lực.

- Khuyến khích nhân dân khai thác, đánh bắt trên các vùng biển xa, vừa phát triển kinh tế vừa làm nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc.

- Tăng cường trang bị phương tiện cho Công an các huyện ven biển, hải đảo nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế trên biển, đảo” của Đề án “Bảo đảm trật tự trị an, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế trên biển, đảo.” Triển khai Đề án “Nâng cao năng lực thu thập, xử lý thông tin liên quan an ninh chủ quyền Biển Đông trong lực lượng Công an nhân dân” (khi Bộ Công an xây dựng và ban hành). Nâng cao năng lực quản lý bảo vệ chủ quyền, an ninh – trật tự trên khu vực biên giới biển và năng lực PCTT-TKCN trên biển.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thành lập cơ quan điều phối liên ngành để triển khai thực hiện kế hoạch;

- Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh triển khai thực hiện nội dung theo kế hoạch, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo cơ quan điều phối liên ngành để chỉ đạo;

- Triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực của ngành theo Kế hoạch này;

- Tham mưu cơ quan điều phối liên ngành 05 năm tổ chức tổng kết, để đánh giá việc thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xác định các nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu hút các nguồn vốn khác trong và ngoài nước; ưu tiên và kịp thời bố trí nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ triển khai, phát huy hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch này; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển.

4. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện tốt công tác tăng cường quan hệ đối ngoại, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực và kêu gọi sự hỗ trợ của quốc tế và khu vực trong việc bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững biển và đại dương; thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại về biên giới, lãnh thổ trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh việc ký kết các thỏa thuận quốc tế liên quan đến chính sách phát triển các vùng biển trên địa bàn tỉnh, theo dõi, quản lý việc ký kết thỏa thuận quốc tế theo quy định pháp luật hiện hành; nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động của người nước ngoài cư trú hoạt động trên địa bàn tỉnh; tham gia tích cực vào công tác bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân địa phương khi tham gia các hoạt động kinh tế biển.

5. Sở Tài chính trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị và căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí chi thường xuyên để đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

6. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiện toàn tổ chức bộ máy ở tỉnh và các địa phương ven biển về quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo theo Kế hoạch này.

7. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng Kế hoạch khoa học và công nghệ của tỉnh theo từng giai đoạn 5 năm, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ về biển, hải đảo và định hướng công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong bối cảnh các thách thức mới nổi về an ninh môi trường biển và triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ khác, bảo đảm khoa học và công nghệ là khâu đột phá trong thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, địa phương ven biển triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển, nhất là nhân lực chất lượng cao, cùng với khoa học và công nghệ làm khâu đột phá trong thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU của Tỉnh ủy.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện tốt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Phú Yên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 với việc thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện tốt Luật Thủy sản năm 2017; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển ngành thủy sản phù hợp với Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các đề án, phương án chuyên ngành để phát triển thủy sản, chỉ đạo xây dựng các trung tâm nghề cá lớn; thực hiện phòng, chống thiên tai từ biển; xây dựng các chính sách về nuôi trồng và khai thác thủy sản, bảo tồn biển; bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển để đóng góp vào phát triển kinh tế biển.

10. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình UBND tỉnh các Quy hoạch, kế hoạch phát triển các đô thị ven biển, khu đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế mạnh; thực hiện tốt hoạt động đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật cho các đô thị ven biển.

11. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chính sách, văn bản về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải

đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường thủy nội địa và hàng không phục vụ phát triển kinh tế biển.

12. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển; phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường.

13. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân, kiều bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên Biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

14. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan có liên quan đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động lợi dụng các vấn đề về biển, đảo để chống phá; làm tốt nhiệm vụ phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, an toàn cho dân cư, người lao động và các hoạt động kinh tế khu vực ven biển, đảo.

15. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển và hải đảo; xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân trên các vùng biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; kiên trì xây dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển bền vững kinh tế biển.

16. Các sở, Ban, ngành và UBND các địa phương ven biển:

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai cụ thể trước tháng 8/2020; tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ nhằm phát triển bền vững kinh tế biển; định kỳ báo cáo tình hình thực hiện, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20/11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30/11 hằng năm.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng Quy hoạch không gian biển của tỉnh (hoặc phân vùng chức năng các khu vực biển, theo hướng dẫn của Trung ương), Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh

tế xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo phương pháp tích hợp đa ngành.

17. Đề nghị Tỉnh ủy quan tâm, chỉ đạo lồng ghép các nội dung của Kế hoạch và Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Phú Yên vào Văn kiện Đại hội Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XVI.

18. Đề nghị HĐND tỉnh đưa vào chương trình công tác để xem xét thông qua các Nghị quyết; điều chỉnh, bổ sung và bố trí ngân sách triển khai các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ nêu trong Kế hoạch.

19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Hội, đoàn thể Tỉnh đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch./.

**T/M.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Hiên

Phụ lục

Danh mục các đề tài, dự án nhiệm vụ triển khai thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 26/3/2019 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1184/QĐ-UBND 09/7/2020 của UBND tỉnh)

TT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. VỀ QUẢN TRỊ BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG, QUẢN LÝ VÙNG BỜ			
Đến năm 2025			
1	Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
2	Điều chỉnh Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
3	Quy hoạch không gian biển cấp tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
4	Xây dựng Chiến lược tổng thể phát triển bền vững, định hướng kinh tế biển xanh tỉnh Phú Yên đến năm 2030, tầm nhìn 2045	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
II. Về phát triển kinh tế biển, ven biển			
Đến năm 2025			
5	Nhiệm vụ lập bản đồ phân vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
	Nhiệm vụ phân vùng chức năng vùng bờ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
6	Đề án quy hoạch tổng thể phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Phú Yên đến 2030, định hướng đến 2045	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
7	Đề án Quy hoạch tổng thể khai thác tài nguyên khoáng sản vùng bờ biển tỉnh Phú Yên đến 2030, định hướng đến 2045	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
8	Đề án Quy hoạch, đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng thu gom và xử lý nước thải, rác thải rắn khu vực ven biển và trên biển tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
9	Xác lập luận cứ khoa học, kinh tế - kỹ thuật và đầu tư hoàn thiện hệ thống quan trắc tự động cảnh báo tai biến thiên nhiên, thiên tai, sự cố môi trường đới bờ biển tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
10	Xác lập luận cứ khoa học, kinh tế - kỹ	Sở Nông nghiệp và	Các cơ quan, đơn vị, địa

	thuật và đầu tư hoàn thiện đồng bộ hệ thống công trình phòng tránh xói lở bờ biển do nước biển xâm thực dọc các tuyến bờ biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên	PTNT	phương có liên quan
11	Dự án khơi thông dòng chảy và chỉnh trị vùng cửa sông ven biển tỉnh Phú Yên	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
12	Nghiên cứu, quy hoạch khu vực biển cho hoạt động nhận chìm trên biển trong phạm vi vùng bờ biển tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
13	Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
14	Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương ven biển đầu tư xây dựng các Cụm công nghiệp phục vụ kinh tế biển	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
15	Hỗ trợ các Nhà đầu tư nghiên cứu, khảo sát, đầu tư các dự án về năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản, công nghiệp hỗ trợ phục vụ kinh tế biển... trên địa bàn tỉnh để sớm đưa các dự án vào hoạt động, góp phần phát triển bền vững kinh tế biển	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan
16	Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản lồng, bè trên biển của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND thị xã Sông Cầu, huyện Tuy An, các sở, ngành có liên quan
17	Đề án rà soát, điều chỉnh phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản đầm Ô Loan, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND huyện Tuy An, các sở, ngành có liên quan
18	Đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản hạ lưu sông Bàn Thạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND thị xã Đông Hòa; các sở, ngành có liên quan
19	Đầu tư hạ tầng Khu sản xuất tôm hùm trên bờ		UBND: huyện Tuy An, thị xã Sông Cầu; các sở, ngành có liên quan.
20	Đầu tư hạ tầng hỗ trợ nuôi biển thị xã Sông Cầu		UBND thị xã Sông Cầu; các sở, ngành có liên quan
21	Đầu tư hạ tầng hỗ trợ nuôi biển huyện Tuy An		UBND huyện Tuy An; các sở, ngành có liên quan
22	Nâng cấp cảng cá Tiên Châu và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá lạch Vạn Cùi		UBND huyện Tuy An; các sở, ngành có liên quan
23	Khu neo đậu tránh trú bão lạch An Hải		UBND huyện Tuy An;

	– An Ninh Đông, huyện Tuy An (gắn với cảng cá Lễ Thịnh)		các sở, ngành có liên quan
24	Khu neo đậu tránh trú bão lạch xã Hòa Hiệp Nam – Hòa Hiệp Trung, thị xã Đông Hòa (gắn với cảng cá Phú Lạc)		UBND thị xã Đông Hòa; các sở, ngành có liên quan
25	Nâng cấp cảng cá Đông Tác (Cảng cá loại I – Cảng cá ngư chuyên dụng, chợ đầu giá cá ngư tỉnh Phú Yên)		UBND thành phố Tuy Hòa; các sở, ngành có liên quan
26	Các mô hình phát triển thủy sản: Ứng dụng máy chỉ báo dòng chảy trên tàu khai thác hải sản; Ứng dụng máy radar trên tàu khai thác hải sản; Cơ giới hóa ứng dụng máy cho ăn trong nuôi tôm nước lợ; Nuôi tôm hùm xanh thương phẩm; Nuôi cá mú (cá song) thương phẩm; Nuôi cua biển thương phẩm.	Trung tâm Khuyến nông – Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Kinh tế/Nông nghiệp và PTNT các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã/phường/thị trấn ven biển.
III. Nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển			
Đến năm 2025			
27	Triển khai thực hiện đề án, nâng cao sức khỏe cho nhân dân khu vực biên giới biển	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
28	Hỗ trợ chuyển đổi và tìm kiếm sinh kế thay thế bền vững cho các cộng đồng dân cư nghèo chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, sự cố môi trường và chuyển đổi sử dụng đất ven biển tỉnh Phú Yên	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
IV. Về khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực biển			
Đến năm 2025			
29	Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
30	Xây dựng đề án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước Hòn Yến	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
31	Đề án trồng rừng ngập mặn đầm Ô Loan	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
Giai đoạn 2026-2030			
32	Đề án trồng rừng ngập mặn đầm Cù Mông	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
33	Xây dựng đề án thành lập khu bảo tồn đất ngập nước đầm Cù Mông và đầm Ô Loan	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
V. Về môi trường, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng			
Đến năm 2025			
34	Đề án Đào tạo, nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, thảm họa và sự cố môi trường cho cán bộ quản lý và cộng đồng dân cư vùng bờ, biển tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
35	Đề án Nâng cao năng lực ứng phó và thích ứng với bão mạnh, siêu bão và lũ	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển

	lục vùng bờ biển tỉnh Phú Yên		
36	Nhiệm vụ đánh giá sức chịu tải vùng biển ven bờ tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
37	Nhiệm vụ xây dựng bản đồ nhạy cảm vùng bờ tỉnh Phú Yên	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
38	Nhiệm vụ xây dựng mạng lưới quan trắc tự động nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
VI. Bảo đảm Quốc phòng, An ninh, Đối ngoại và Hợp tác quốc tế			
Đến năm 2025			
39	Tiếp tục Dự án thành phần số 2 về “Tăng cường trang bị phương tiện cho Công an các huyện ven biển, hải đảo nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế trên biển, đảo” của Đề án “Bảo đảm trật tự trị an, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế trên biển, đảo.”	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
40	Triển khai Đề án “Nâng cao năng lực thu thập, xử lý thông tin liên quan an ninh chủ quyền Biển Đông trong lực lượng Công an nhân dân” (khi Bộ Công an xây dựng và ban hành).	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển
41	Nâng cao năng lực quản lý bảo vệ chủ quyền, an ninh – trật tự trên khu vực biên giới biển và năng lực PCTT-TKCN trên biển	Bộ chỉ huy BDBP tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển